

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 4711/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng thị trấn Quảng Xương và vùng phụ cận; điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Quảng Xương, huyện Quảng Xương đến năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 3806/SXD-QH ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương đến năm 2035 (kèm theo Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Quảng Xương).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi lập quy hoạch

Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp thành phố Thanh Hóa;
- Phía Nam giáp xã Quảng Ninh, xã Quảng Hợp;
- Phía Đông giáp xã Quảng Định, xã Quảng Đức;
- Phía Tây giáp xã Quảng Trạch, xã Quảng Hòa.

2. Tính chất, chức năng đô thị

- Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của huyện Quảng Xương.
- Là đầu mối giao thương, dịch vụ thương mại, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có vai trò kết nối, hỗ trợ thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận.

3. Quy mô

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2020: khoảng 20.603 người;
- Dự báo quy mô dân số đến năm 2035: khoảng 36.000 người.

b) Quy mô đất đai:

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch chung thị trấn khoảng 1.463 ha

4. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được

a) Chỉ tiêu đất đai:

- Đất dân dụng quy hoạch mới: 123,11 ha, đạt chỉ tiêu 79,95 m²/người.
- Đất đơn vị ở phát triển mới: 69,26 ha, đạt chỉ tiêu 45 m²/người.
- Đất công cộng đô thị: 29,3 ha; đạt chỉ tiêu 8,13 m²/người (29,3ha/36.000 người).
- Đất công viên cây xanh: 19,22 ha, đạt chỉ tiêu 5,34 m²/người.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Đất giao thông tính đến đường phân khu vực: 18,03% đất xây dựng đô thị;
- Chỉ tiêu điện năng: 1500 KWh/người/năm; phụ tải 500W/người;
- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ cấp nước 100%;
- Thoát nước thải: 80% nước cấp;
- Chất thải rắn: 0,9 kg/ng/ngđ;
- Thu gom xử lý: 100%.

5. Định hướng phát triển không gian đô thị

- Thị trấn Tân Phong phát triển trên cơ sở các trục không gian chủ đạo như Quốc lộ 1, đường tránh phía Đông, đường tránh phía Tây Quốc lộ 1, đường Thanh Niên và các tuyến đường Bắc Nam, Đông Tây qua đô thị

- Hướng phát triển của đô thị: Phát triển về phía Đông Bắc và phía Tây Nam trên cơ sở quy hoạch mới tuyến giao thông và quỹ đất thuận lợi xây dựng. Tập trung phát triển các khu đô thị mới có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, dịch vụ thương mại hoàn chỉnh.

- Cải tạo, nâng cấp các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các khu vực đô thị hiện hữu và các khu vực dân cư nông thôn nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư.

- Phát triển cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại khu vực phía Tây Bắc thị trấn.

- Khu vực sản xuất nông nghiệp: Phát triển khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại khu vực phía Tây Nam thị trấn.

6. Quy hoạch sử dụng đất

6.1. Tổng diện tích quy hoạch 1.463 ha, bao gồm:

- Đất xây dựng đô thị: 1.030,16 ha;
- + Đất dân dụng hiện trạng: 576,15 ha;
- + Đất dân dụng quy hoạch mới: 123,11 ha;
- + Đất ngoài dân dụng: 330,90 ha;
- Đất khác: 432,84 ha.

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất theo giai đoạn

| STT | Tên đất | Ký hiệu | Đến năm 2025 | | Đến năm 2035 | |
|------------|---------------------------------|---------|----------------|---------------|-----------------|---------------|
| | | | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) | Diện tích (ha) | Tỷ lệ (%) |
| A | Đất xây dựng đô thị | | 909,13 | 62,14 | 1.030,16 | 70,41 |
| I | Đất dân dụng hiện trạng | | 576,15 | 39,38 | 576,15 | 39,38 |
| 1 | Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo | HT | 515,60 | 35,24 | 515,60 | 35,24 |
| 2 | Đất công cộng đô thị | CC | 25,20 | 1,72 | 25,20 | 1,72 |
| 3 | Đất giao thông | | 35,35 | 2,42 | 35,35 | 0,00 |
| II | Đất dân dụng mới | | 92,03 | 6,29 | 123,11 | 8,41 |
| 1 | Đất đơn vị ở mới | DCM | 45,21 | 3,09 | 69,26 | 4,73 |
| 2 | Đất công cộng đô thị | CC | 4,10 | 0,28 | 4,10 | 0,28 |
| a | Đất chợ đô thị | C | 1,38 | 0,09 | 1,38 | 0,09 |
| b | Đất trường học | TH | 2,72 | 0,19 | 2,72 | 0,19 |
| 3 | Đất công viên cây xanh | CVCX | 19,22 | 1,31 | 19,22 | 1,31 |
| 4 | Đất giao thông | | 23,50 | 1,61 | 30,53 | 2,09 |
| III | Đất ngoài dân dụng | | 240,95 | 16,47 | 330,90 | 22,62 |
| 1 | Đất hành chính, cơ quan | CQ | 9,46 | 0,65 | 9,46 | 0,65 |
| 2 | Đất hỗn hợp | HH | 10,32 | 0,71 | 17,09 | 1,17 |
| 3 | Đất công cộng đô thị | | 60,01 | 4,10 | 73,00 | 4,99 |
| a | Đất thương mại | DVTM | 36,77 | 2,51 | 49,76 | 3,40 |
| b | Đất chợ | C | 0,66 | 0,05 | 0,66 | 0,05 |
| c | Đất y tế | YT | 7,44 | 0,51 | 7,44 | 0,51 |
| d | Đất trường thpt, dạy nghề | GD | 8,77 | 0,60 | 8,77 | 0,60 |
| e | Đất trung tâm văn hóa | VH | 2,34 | 0,16 | 2,34 | 0,16 |
| g | Đất trung tâm thể dục thể thao | SVD | 4,03 | 0,28 | 4,03 | 0,28 |
| 4 | Đất cây xanh cảnh quan | CXCQ | 15,69 | 1,07 | 15,69 | 1,07 |
| 5 | Đất cụm công nghiệp-ttcn | CN | 50,00 | 3,42 | 81,92 | 5,60 |
| 6 | Đất di tích | TN | 0,09 | 0,01 | 0,09 | 0,01 |
| 7 | Đất giao thông đối ngoại | | 81,60 | 5,58 | 119,87 | 8,19 |
| 8 | Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối | DM | 7,40 | 0,51 | 7,40 | 0,51 |
| 9 | Đất nghĩa trang | NT | 6,38 | 0,44 | 6,38 | 0,44 |
| B | Đất khác | | 553,87 | 37,86 | 432,84 | 29,59 |
| 1 | Đất nông nghiệp | | 538,53 | 36,81 | 417,50 | 28,54 |
| a | Đất nông nghiệp công nghệ cao | CNC | 104,92 | 7,17 | 104,92 | 7,17 |
| b | Đất sản xuất nông nghiệp | SXNN | 433,61 | 29,64 | 312,58 | 21,37 |
| 2 | Đất mặt nước | MN | 15,34 | 1,05 | 15,34 | 1,05 |
| | Tổng | | 1463,00 | 100,00 | 1.463,00 | 100,00 |

6.2. Phân khu chức năng:

6.2.1. Khu hành chính - chính trị:

- Đất cơ quan, hành chính cấp huyện: diện tích khoảng 9,46 ha:

Các công trình bao gồm Huyện ủy, HĐND-UBND, Công an huyện... được giữ nguyên quy mô và vị trí. Giai đoạn đến năm 2035 (theo định hướng của quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương) toàn bộ huyện Quảng Xương đạt tiêu chí đô thị loại III. Khu vực thị trấn Tân Phong là khu vực nội thị. Giai đoạn này sẽ rà soát tính toán từng bước di chuyển một số cơ quan cấp đô thị về khu vực Cống Trúc. Quỹ đất hành chính, chính trị sau khi di chuyển được chuyển đổi là đất công cộng phục vụ đô thị.

- Đất cơ quan cấp đô thị: diện tích khoảng 1,59 ha:

+ Công sở thị trấn Tân Phong được di chuyển về khu vực công sở xã Quảng Phong cũ. Đất công sở thị trấn hiện tại được chuyển đổi là công viên gắn với quảng trường trung tâm đô thị.

+ Khu vực công sở xã Quảng Tân cũ được chuyển đổi thành công trình công cộng cấp đô thị

6.2.2. Khu công cộng:

a) Khu văn hóa - thể dục thể thao: Quy mô khoảng 10,99 ha.

- Khu văn hóa, thể thao cấp huyện bao gồm các công trình: nhà truyền thống, trung tâm hội nghị, nhà thi đấu, sân vận động... đã được đầu tư xây dựng mới tương đối khang trang tại vị trí đối diện với khu cơ quan hành chính được giữ nguyên quy mô diện tích không phát triển thêm. Tổng diện tích khoảng 4,03ha.

- Khu văn hóa, thể thao cấp đô thị được phát triển trên cơ sở trung tâm văn hóa các xã, thị trấn trước khi xác nhập. Các khu văn hóa thể thao cấp đô thị được xác định là hạt nhân để phát triển đời sống văn hóa của huyện Quảng Xương, đồng thời tạo nên các không gian trung tâm đô thị đẹp, khang trang, làm điểm nhấn cho toàn đô thị. Tổng diện tích khoảng 6,96 ha

b) Khu Y tế: Quy mô khoảng 8,13 ha.

- Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương được mở rộng và nâng quy mô phục vụ lên 340 giường, diện tích khoảng 2,81ha.

- Trạm y tế thị trấn được di chuyển vị trí về khu vực phía Đông thị trấn. Bố trí mới khu dịch vụ y tế với các loại hình phòng khám đa khoa tại khu vực phía Đông Bắc đường Thanh Niên. Diện tích khoảng 1,08 ha.

- Quy hoạch mới Viện dưỡng lão tại khu vực phía Đông thị trấn, diện tích khoảng 4,24ha.

c) Khu giáo dục: Quy mô khoảng 20,37 ha.

- Giữ nguyên quy mô, vị trí các trường hiện có từ trường mầm non đến trường PTTH. Từng bước cải tạo chỉnh trang về công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật đảm bảo quy mô trường chuẩn.

- Bố trí mới 2 trường tại khu vực phía Đông thị trấn theo hình thức xã hội hóa giáo dục với loại hình trường liên cấp.

- Giữ nguyên quy mô trung tâm dạy nghề y tá điều dưỡng Quốc tế.

d) Khu dịch vụ thương mại, hỗn hợp - chợ: Quy mô khoảng 53,88 ha

Chợ Lưu Vệ và chợ Thị trấn được giữ nguyên vị trí, cải tạo mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ. Bố trí thêm chợ dân sinh mới nằm phía Tây quốc lộ 1 kết hợp với hệ thống dịch vụ thương mại phục vụ cho khu vực phát triển mở rộng và khu vực phía Tây thị trấn quy mô khoảng 1,38 ha.

Các công trình dịch vụ thương mại, dịch vụ tổng hợp đô thị dự kiến được bố trí dọc đường tránh Quốc lộ 1, các khu vực dọc các tuyến đường chính và các khu vực thuận lợi. Tổng diện tích khoảng 49,76 ha, bố trí các loại hình dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn, siêu thị, xăng dầu...

e) Khu công viên, cây xanh cảnh quan: Quy mô khoảng 34,91 ha

Bố trí 6 khu công viên trong đô thị nằm gần các khu dân cư đảm bảo người dân tiếp cận thuận lợi. Quy mô khoảng 19,22 ha

Tổ chức hệ thống cây xanh cảnh quan dọc khu vực kênh Bái Tuyên và trục không gian xanh đô thị. Tổng diện tích khoảng 15,69 ha

6.2.3. Đất đơn vị ở:

- Đất đơn vị ở hiện trạng cải tạo (tổng diện tích khoảng 515,6 ha): Từng bước cải tạo, chỉnh trang đồng bộ về kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật, kết nối không gian với các khu vực lân cận;

- Đất đơn vị ở mới:

Được bố trí tập trung chủ yếu tại 2 khu vực bao gồm: Khu vực phía Đông Bắc và Khu vực phía Tây Nam thị trấn. Khu đô thị mới được phát triển theo hình thức nhà ở kiểu liên kế và nhà ở kiểu biệt thự gắn với hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

Tổng diện tích đất đơn vị ở mới đến năm 2025 khoảng 45,21 ha. Đến năm 2035 diện tích khoảng 69,26 ha.

6.2.4. Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Tổng diện tích đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 81,92 ha bao gồm:

- Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thị trấn Tân Phong được bố trí tại khu vực phía Tây Bắc thị trấn quy mô khoảng 65 ha trong đó diện tích thuộc thị trấn Tân Phong khoảng 53,81 ha.

- Một phần đất sản xuất công nghiệp thuộc cụm công nghiệp Nam thành phố Thanh Hóa diện tích khoảng 22,44 ha.

- Đất sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp hiện có dọc theo Quốc lộ 1. Tổng diện tích khoảng 5,67 ha.

6.2.5. Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được bố trí tại khu vực phía Tây Nam thị trấn, quy mô khoảng 104,92 ha.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Chuẩn bị kỹ thuật

a) San nền:

- Chọn cốt không chế cao nhất 4,5m, thấp nhất 2,6m; độ dốc nền thoát nước là $i=0,1\% - 0,4\%$, thuận lợi cho thoát nước mưa.

- Khu vực phía Tây Quốc lộ 1: san nền tạo dốc về phía Tây, Tây Nam để thuận lợi tiêu nước ra hệ thống kênh tiêu Tân Trạch, Tân Phong, sông Lý;

- Khu vực phía Đông Quốc lộ 1: san nền tạo dốc về phía Đông, Đông Nam để thuận lợi tiêu nước ra hệ thống kênh tiêu Bái Tuyền.

b) Thoát nước mưa:

- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải, được chia thành 2 lưu vực chính:

- Lưu vực 1: Được giới hạn bởi khu vực phía Tây quốc lộ 1A, nước mưa theo hệ thống cống tròn BTCT (D600-D1000) dọc 2 bên đường rồi thoát ra sông Tân Trạch (xả vào sông Lý).

- Lưu vực 2: Được giới hạn bởi khu vực phía Đông quốc lộ 1A, nước mưa theo hệ thống cống tròn BTCT (D600-D1500) dọc 2 bên đường rồi thoát ra kênh Bái Tuyền (xả vào sông Lý).

7.2. Quy hoạch giao thông

a) Mạng lưới giao thông đô thị

* Giao thông đối ngoại - trục chính đô thị

- Mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1A với quy mô: Đoạn Bắc thị trấn đến giao đường Tân Định (MCN 3-3): lòng đường 2x10,0m; phân cách giữa 1,5m; khoảng cách ly 2x3,25m; lòng đường gom 2x7,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 53,0m; Đoạn từ giao đường Tân Định đến hết ranh giới thị trấn (nút giao đường tránh) (MCN 5-5): lòng đường 2x10,5m; phân cách 1,0m; hè 2x7,0m; CGĐĐ = 36,0m.

- Quy hoạch tuyến đường tránh Đông Quốc lộ 1A (MCN 1-1): lòng đường 2x12,0m; phân cách giữa 1,0m; khoảng cách ly 2x9,0m; lòng đường gom 2x11,0m; hè 2x5,5m; CGĐĐ = 76,0m;

- Tuyến đường Nam thành phố Thanh Hóa - Nam Sầm Sơn (MCN 4-4): lòng đường 2x10,5m; phân cách giữa 2,0m; khoảng cách ly 2x1,0m; lòng đường gom 2x7,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 50,0m;

- Mở rộng đường Tân Định, kéo dài về phía Tây quốc lộ 45 (MCN 6-6): lòng đường 2x10,5m; phân cách 5,0m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 36,0m.

- Mở rộng đường Thanh Niên (MCN 11-11): lòng đường 2x5,25m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 20,5m. Kéo dài thêm đoạn phía Tây đi Quốc lộ 45 (MCN 10-10): lòng đường 2x7,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 25,0m.

- Quy hoạch tuyến từ nút giao đường tránh Quốc lộ 1A đi Quảng Hòa; là trục chính hướng Đông Tây khu vực phía Nam thị trấn. Quy mô (MCN 7-7): lòng đường 2x10,5m; phân cách 3,0m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 34,0m.

* Quy hoạch mạng lưới giao thông nội thị:

- Quy hoạch tuyến đường chính khu vực hướng Bắc Nam về hai phía Quốc lộ 1A: Tuyến phía Đông: Đoạn Bắc thị trấn đến trung tâm đào tạo y tá điều dưỡng Quốc tế (MCN 6-6): lòng đường 2x10,5m; phân cách 5,0m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 36,0m. Đoạn tiếp theo đến giao đường Thanh Niên (MCN 9-9): lòng đường 2x7,5m; phân cách 3,0m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 28,0m. Đoạn còn lại (MCN 11-11): lòng đường 2x5,25m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 20,5m. Tuyến phía Tây: từ KCN Nam thành phố Thanh Hóa đi Cổng Trúc (MCN 8-8): lòng đường 2x8,5m; phân cách 3,0m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 30,0m.

- Đối với khu vực phát triển mới: Trên cơ sở bộ khung là các tuyến giao thông chính ở trên, xây dựng các tuyến đường khu vực đô thị, đường nội bộ theo dạng ô bàn cờ, với quy mô mặt cắt ngang như sau:

+ Mặt cắt 11-11: lòng đường 10,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 20,5m;

+ Mặt cắt 12-12: lòng đường 7,5m; hè 2x5,0m; CGĐĐ = 17,5m;

- Đối với khu vực cũ: cải tạo, mở rộng hệ thống đường bê tông, cấp phối hiện có đạt tiêu chuẩn đường đô thị, với quy mô mặt cắt nền đường 13,5m trở lên.

b) Giao thông tĩnh, giao thông công cộng

- Quy hoạch bến xe khách tại phía Nam thị trấn, tổng diện tích khoảng 2,03ha.

- Tiếp tục khai thác, nâng cấp các tuyến xe bus hiện có. Nghiên cứu phát triển các tuyến bus mới, tăng cường kết nối thị trấn với các khu vực trọng điểm trong tỉnh như thành phố Thanh Hóa Thanh Hóa; Khu kinh tế Nghi Sơn; thành phố Sầm Sơn.

7.3. Quy hoạch cấp điện và hạ tầng kỹ thuật viễn thông

a) Quy hoạch cấp điện:

* Tổng nhu cầu cấp điện: 38.969 kVA.

* Nguồn điện, trạm biến áp:

- Nguồn điện cấp cho thị trấn Tân Phong được lấy nguồn từ trạm 110kV Tây Nam Thành Phố và trạm 110kV Quảng Xương đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu phụ tải.

- Dỡ bỏ trạm trung gian Quảng Phong hiện có.

- Cấp điện áp của các trạm biến áp phân phối được lựa chọn theo xu hướng phát triển lưới điện đô thị là 22/0,4kV và xen lẫn 35/0,4kV.

* Mạng lưới điện cao áp, trung áp:

- Quy hoạch mạng điện trung áp 22kV là mạng kín vận hành hở và có liên hệ mạch vòng.

- Các đường 10(22) kV hiện có được nâng cấp thay thế bằng đường dây 22kV và nắn chỉnh tuyến cho phù hợp với quy hoạch.

- Dỡ bỏ 1 lộ 35kV hiện đang cấp điện cho trạm trung gian Quảng Phong.

- Đường dây 35kV trục chính hiện có từ trạm 110kV Tây Nam Thành phố tới trạm 110kV Quảng Xương được cải tạo và nắn chỉnh tuyến cho phù hợp với quy hoạch đảm bảo cấp điện an toàn và mỹ quan.

- Từ trạm 110kV Quảng Xương xây dựng mới 2 tuyến cáp treo 22kV để đấu nối lưới điện 10(22)kV sau trạm trung gian Quảng Phong cấp điện cho thị trấn và các xã lân cận.

b) Hạ tầng kỹ thuật viễn thông:

- Nhu cầu dịch vụ viễn thông của thị trấn Tân Phong khoảng 9.200 đường dây thuê bao.

- Nâng cấp trạm truy nhập quang (AON, PON); xây dựng các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông từ trạm trung tâm thị trấn về trạm truy nhập quang trong khu vực.

- Đầu tư xây dựng các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động thân thiện với môi trường, dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông trong khu vực.

- Cải tạo chỉnh trang các trạm viễn thông hiện có, kết nối bằng tuyến cáp quang ngầm.

- Từ trạm viễn thông trung tâm kéo các tuyến cáp đến các tủ cáp trong các khu vực đô thị. Từ các tủ cáp đầu nối tới hộp cáp và từ hộp cáp sẽ dẫn đến các thuê bao (thiết bị đầu cuối).

- Toàn bộ mạng truyền dẫn sử dụng cáp quang băng rộng.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu sử dụng nước: 8.000 m³/ngđ;

- Nguồn nước thô lấy tại Kênh Bắc.

- Nhà máy nước cấp cho khu vực sử dụng nhà máy nước hiện có tại phường Quảng Thịnh (nâng cấp công suất 15.000 m³/ngđ) đảm bảo cấp nước cho thị trấn và vùng phụ cận.

- Mạng lưới tuyến ống chính cấp nước trong khu vực:

+ Sử dụng mạng lưới ống cấp nước chính bằng các mạng vòng, mạng cụt đảm bảo cấp cho khu vực.

+ Tuyến ống cấp nước: Tuyến ống cấp nước chính từ Nhà máy nước đến các khu vực bằng các ống có đường kính Ø110 – Ø160.

7.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Nhu cầu thải nước của khu vực: Q = 6.500 m³/ng.đ.

- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của khu dân cư, công trình công cộng,... sẽ được thu gom bằng hệ thống cống chạy dọc trên vỉa hè và dẫn về trạm xử lý nước thải.

- Nước thải được thu gom và xử lý tại trạm xử lý công suất $Q=12.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ (vị trí đặt tại khu đất phía Tây thị trấn Tân Phong theo định hướng của quy hoạch xây dựng vùng huyện phục vụ cho thị trấn Tân Phong và vùng phụ cận). Nước thải phải được xử lý đạt loại B (TCVN - 51:1984), nước sau khi được xử lý được thoát ra sông Lý.

b) Vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn:

Chất thải rắn khu vực thị trấn Tân Phong được thu gom và xử lý tại khu xử lý tập trung của thành phố Thanh Hoá và vùng phụ cận tại xã Đông Nam, huyện Đông Sơn.

- Nghĩa trang:

+ Bố trí khu nghĩa trang phục vụ thị trấn Tân Phong và vùng phụ cận tại khu vực phía Tây thị trấn trên địa bàn xã Quảng Trạch, quy mô diện tích khoảng 15ha trên cơ sở mở rộng nghĩa địa hiện có. (Theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương).

+ Các nghĩa địa hiện có được đóng cửa, không tổ chức hung táng, từng bước cải tạo chỉnh trang theo mô hình công viên nghĩa trang.

8. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường

Phát triển kinh tế, xã hội, đô thị hóa phải đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó xây dựng các giải pháp, kế hoạch bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phát triển đô thị phải gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, đô thị tránh phát sinh chất thải ra môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các dự án khi triển khai phải đảm bảo đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn tiếp nhận nước thải, vùng nước biển ven bờ, môi trường đất, không khí tại các khu vực trọng điểm.

9. Các hạng mục ưu tiên đầu tư

- Dự án đầu tư cụm công nghiệp thị trấn Tân Phong quy mô khoảng 65 ha;

- Đầu tư cải tạo, mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện;
- Đầu tư các khu đô thị mới trên địa bàn thị trấn;
- Xây dựng mới đường Thanh Niên kéo dài đoạn qua thị trấn khoảng 2 km;
- Mở rộng và kéo dài tuyến Bắc Nam 1, chiều dài khoảng 6 km;
- Xây dựng mới tuyến Bắc Nam 2, chiều dài khoảng 4,5 km;
- Mở rộng và kéo dài đường Tân Định chiều dài khoảng 2,7 km;
- Đầu tư các tuyến đường liên khu vực, đường chính khu vực, trạm nước thải, trạm biến áp mới;
- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt đô thị với hướng đầu tư đồng bộ - hiện đại;
- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện, chiếu sáng các trục chính;
- Đầu tư xây dựng khu nghĩa trang tập trung tại khu vực xã Quảng Trạch;
- Cải tạo chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có, đáp ứng tiêu chí đô thị loại III.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Quảng Xương có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương đến năm 2035 cho địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.
- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật 35/2018/QH14.
- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.
- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng, các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2021)QDPD_DC QHC TT Tan Phong

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm